

Bản án số: 29/2025/HS-ST
Ngày 07-01-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Phường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Trung và ông Nguyễn Thành Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyển - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2024/HSST ngày 04 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Văn Tuấn C, sinh năm 1990, tại Đồng Nai; nơi cư trú: B, đường H, tổ D, khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L, sinh năm 1954 và bà Dương Thị Hồng H, sinh năm 1955; anh chị em ruột có 06 người; bản thân chưa vợ; tiền án; tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Ngày 19/09/2016, Trần Văn T C bị Toà án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tuyên xử 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án số 87/2016/HSST.

- Ngày 27/02/2019, Trần Văn T C bị Toà án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 09-10-2024 cho đến nay, (Có mặt).

- Bị hại:

Anh Vũ Đức D, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Đ, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, (Có mặt).

Anh Đinh Văn T1, sinh năm 1971. Địa chỉ: Đ, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Phạm Quốc T2, sinh năm 1977. Nơi cư trú: số I, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, (Vắng mặt).

Ông Trần Trọng H1, sinh năm 1961. Nơi cư trú: ấp X, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn Tuấn C là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm. Do không có tiền tiêu xài, vào khoảng 12 giờ ngày 09/10/2024, Trần Văn T C điều khiển xe mô tô biển số 92KC-8498 từ thành phố L đến khu vực xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai tìm tài sản sơ hở của người dân để trộm cắp. Khi đến ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Trần Văn T C thấy cửa hàng mua bán sắt thép của anh Phạm Quốc T2 (Sinh năm:1977, trú tại: I, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai) không có người trông coi. C dừng xe mô tô trước sân cửa hàng, đi vào bên trong lấy trộm một cuộn dây kẽm gai nặng khoảng 51 kg rồi đưa lên yên sau xe mô tô đi tìm nơi tiêu thụ. Khi đến đường bê tông liên xã thuộc ấp V - L, thì bị Tổ tuần tra Công an xã G yêu cầu dừng phương tiện, kiểm tra, Trần Văn Tuấn C đã đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra xác định được ngoài vụ trộm cắp tài sản trên, Trần Văn Tuấn C đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản khác. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 30/6/2024, Trần Văn T C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Citi màu đỏ đi từ thành phố L đến khu vực xã G, huyện T để trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 12 giờ, khi đến khu vực Nhà thờ M thuộc xã G, thấy bên trong nhà thờ không có người trông coi, C dựng xe mô tô bên hông và đi bộ vào trong khuôn viên nhà thờ, C phát hiện 02 (hai) chiếc máy hàn điện tử (01 máy hàn màu cam công suất 250W có kèm theo dây hàn, mỏ hàn của anh Vũ Đức D – sinh năm: 1976, trú tại: Đ, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai), 01 máy hàn màu vàng công suất 200W kèm theo dây hàn, mỏ hàn của anh Đinh Văn T1 – sinh năm: 1971, trú tại: Đ, ấp V, xã G,

huyện T, tỉnh Đồng Nai); C lấy 02 máy hàn lên trước бага xe mô tô, rồi điều khiển xe mô tô về thành phố L tìm nơi để tiêu thụ. Khi đến khu vực gần cầu vượt (thành phố L), C bán 02 máy hàn cho người làm nghề xây dựng (không rõ nhân thân lai lịch) với giá 600.000đồng (sáu trăm ngàn đồng), lấy tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng.

+ Vụ thứ hai: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 01/10/2024, C điều khiển xe mô tô (không rõ biển số, nhãn hiệu) mượn của người tên “H2” (không xác định được nhân thân) đến khu vực xã X để trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Khi đến Giáo xứ B thuộc xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai, C để xe mô tô trước sân nhà thờ, đi bộ vào trong thấy trên bàn gỗ có một điện thoại di động S1, màu trắng của ông Trần Trọng H1 – sinh năm: 1961 (trú tại: ấp X, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai). C lấy trộm điện thoại bỏ vào túi quần bên trái rồi điều khiển xe mô tô về thành phố L, trên đường đi C gặp được một người điều khiển xe mô tô đi thu mua điện thoại cũ (không rõ nhân thân lai lịch), nên đã bán điện thoại vừa trộm được với giá 500.000đồng (năm trăm ngàn đồng), lấy tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng.

Căn cứ Kết luận Định giá tài sản số 1831/KL-HĐĐGTS ngày 16/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: Tổng giá trị tài sản C đã trộm cắp qua định giá là 8.005.000đồng (tám triệu không trăm lẻ năm ngàn đồng), cụ thể:

+ 01 máy hàn điện tử (công suất 250W) + 12m dây điện hàn (kèm theo mỏ hàn, kẹp mát) có kích thước dây 2.5cm. Mua từ tháng 11/2023; đã qua sử dụng. Chưa thu hồi được trị giá 3.384.000đồng.

+ 01 máy hàn điện tử (công suất 200W) + 13m dây điện hàn (kèm theo mỏ hàn, kẹp mát) có kích thước dây 2.5cm. Mua từ tháng 11/2023; đã qua sử dụng; chưa thu hồi được trị giá 2.567.000đồng.

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime, màu trắng. Mua từ tháng 01/2024; đã qua sử dụng; chưa thu hồi được trị giá 1.133.000đồng.

+ 01 cuộn dây kẽm gai (trọng lượng 51kg). Mua ngày 09/10/2024; chưa qua sử dụng, đã thu hồi được trị giá 921.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 150/CT-VKS-TN ngày 27 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, truy tố bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo mức án tù 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù. Ngoài ra, đại diện viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về trách nhiệm dân sự, về vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tham gia tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu hồi được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 12 giờ ngày 30/6/2024 Trần Văn Tuấn C đã có hành vi trộm cắp 02 (hai) chiếc máy hàn điện tử (01 máy hàn màu cam công suất 250W có kèm theo dây hàn, mỏ hàn của anh Vũ Đức D – sinh năm: 1976, trú tại: Đ, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai), 01 máy hàn màu vàng công suất 200W kèm theo dây hàn, mỏ hàn của anh Đinh Văn T1 – sinh năm: 1971, trú tại: Đ, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai); Tổng trị giá tài sản thiệt hại là 5.951.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Do đó, Cáo trạng số 150/CT-VKSĐQ ngày 27

tháng 11 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là đúng người, đúng tội, không oan sai cho bị cáo.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo gây ra tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo có thái độ chấp hành nghiêm pháp luật của Nhà nước và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu, ngày 19/09/2016 bị Toà án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tuyên xử 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án số 87/2016/HSST, ngày 27/02/2019 bị Toà án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, trước và sau thời điểm phạm tội bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về số tiền thu lợi bất chính: Quá trình điều tra xác định được bị cáo bán tài sản trộm cắp, thu lợi bất chính số tiền 1.100.000 đồng, đây là tiền thu lợi bất chính mà bị cáo có được nên cần buộc bị cáo nộp vào Ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Phạm Quốc T2 đã nhận lại tài sản 01 cuộn dây kẽm gai (nặng khoảng 51kg) và không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

- Đối với anh Vũ Đức D, quá trình điều tra yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.500.000 đồng, anh Đinh Văn T1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền

2.500.000 đồng, ông Trần Trọng H1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.300.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại cũng như ông H1. Xét thấy, yêu cầu của bị hại, cũng như yêu cầu của ông H1 là có căn cứ nên buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 3.500.000 đồng cho anh Vũ Đức D, bồi thường số tiền 2.500.000 đồng cho anh Đinh Văn T1, bồi thường số tiền 1.300.000 đồng cho ông Trần Trọng H1.

[9] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng đồng của bị cáo C (đã qua sử dụng) không liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý tài sản, bằng hình thức trả chủ sở hữu là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 cuộn kẽm gai trọng lượng 51kg (chưa qua sử dụng) là tài sản hợp pháp của anh Phạm Quốc T2. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng, bằng hình thức trao trả chủ sở hữu là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 xe mô tô biển số: 92KC-8498, quá trình điều tra xác định được là tài sản của Trần Văn T C, bị cáo sử dụng để làm phương tiện, công cụ thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 02 USB lưu trữ video liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản của Trần Văn Tuấn C, là tài liệu, chứng cứ nên tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

[10] Các vấn đề khác:

Đối với hành vi bị cáo C trộm cắp tài sản của ông Trần Trọng H1 và anh Trần Quốc T3, hành vi không được thực hiện trong cùng thời điểm, không kế tiếp, liên tục nhau về mặt thời gian với lần phạm tội xảy ra vào ngày 30-6-2024, nên không có cơ sở để cộng tổng số tiền để truy tố đối với bị cáo. Các lần thực hiện hành vi phạm tội đều dưới mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự, nên đề nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện T tiến hành xử phạt vi phạm hành chính nếu còn trong thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

[11] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, ngoài ra bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại nên còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[12] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Tuy nhiên, đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo có phần hơi nghiêm nên chỉ chấp nhận một phần đề nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)

- Điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn Tuấn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày 09-10-2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Vũ Đức D số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng), bồi thường cho anh Đinh Văn T1 số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) và bồi thường cho ông Trần Trọng H1 số tiền 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng).

3. Về tiền thu lợi bất chính: Buộc bị cáo phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng).

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước 01 (Một) xe mô tô biển số: 92KC-8498. (Vật chứng nêu trên hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05-12-2024).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; trường hợp không thỏa thuận được thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 365.000 đồng (Ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết.

7. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Công an nhân dân huyện Thống Nhất;
- Chi cục THA dân sự huyện Thống Nhất;
- Bị cáo; Bị hại
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Phượng